

**KẾ HOẠCH**

**thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 22 tháng 3 năm 2018  
của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp  
quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

-----

Trong những năm qua, ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh đã có những bước phát triển ổn định và bền vững, tốc độ tăng trưởng bình quân cao, góp phần vào tốc độ tăng trưởng GRDP, đóng vai trò chủ lực trong phát triển kinh tế của tỉnh; cơ cấu nội bộ ngành kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng cao tỷ trọng công nghiệp chế biến, nhất là đối với công nghiệp chế biến nông sản có nguồn nguyên liệu chủ lực tại địa phương. Bên cạnh đó, các thành phần kinh tế được khuyến khích đầu tư với những cơ chế, chính sách thích hợp; kinh tế ngoài Nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng, góp phần thúc đẩy tăng trưởng và thu hút nhiều lao động. Một số ngành công nghiệp mũi nhọn, chủ lực có những thế mạnh và đóng góp lớn vào giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh, như: Công nghiệp chế biến sâu các sản phẩm từ nông sản, thủy điện, điện gió, điện mặt trời... Môi trường đầu tư được cải thiện, cơ sở hạ tầng kỹ thuật các khu, cụm công nghiệp được đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi trong việc thu hút các doanh nghiệp đầu tư sản xuất trên địa bàn với nhiều ngành, nghề, lĩnh vực khác nhau, khai thác tốt các tiềm năng, lợi thế về nguồn nguyên liệu của từng địa phương; góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động. Qua đó, cơ cấu lao động đã chuyển dịch theo hướng tích cực, giảm tỷ trọng lao động trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp sang lĩnh vực công nghiệp - xây dựng và dịch vụ.

Bên cạnh đó, việc triển khai thực hiện tốt quy hoạch công nghiệp, quy hoạch thủy điện vừa và nhỏ, quy hoạch vùng trồng trọt gắn với công nghiệp chế biến trên địa bàn tỉnh cùng với việc định hướng phát triển của ngành nông nghiệp tỉnh trên cơ sở tiềm năng, lợi thế về thổ nhưỡng, khí hậu, các loại cây trồng, vật nuôi phù hợp được mở rộng sản xuất, thâm canh, tạo ra nhiều sản phẩm nông nghiệp có giá trị, chất lượng, đảm bảo ổn định nguồn nguyên liệu để các nhà máy chế biến trên địa bàn phát huy được công suất. Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2017 đạt 18.079,68 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch, tăng 8,53% so với cùng kỳ năm 2016; ước thực hiện năm 2018 đạt 19.663 tỷ đồng và dự kiến năm 2020 đạt 22.460 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016 - 2020 ngành công nghiệp đạt 8,14%/năm.

Tuy nhiên, tăng trưởng ngành công nghiệp chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế. Các ngành công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp chế biến nông, lâm sản phát triển chưa bền vững, chưa có sự liên kết ổn định tạo thành chuỗi giá trị sản phẩm. Doanh nghiệp công nghiệp tuy có phát triển về số lượng nhưng nguồn vốn còn hạn chế, trình độ công nghệ ở mức trung bình yếu; việc tiếp cận vốn tín dụng còn gặp nhiều khó khăn. Trình độ lao động còn thấp, lao động có kỹ năng chiếm tỷ lệ nhỏ trong cơ cấu lao động, hệ thống đào tạo nghề trên địa bàn chưa đồng bộ. Vị trí địa lý không thuận lợi, hạ tầng kỹ thuật khu, cụm công nghiệp, hệ thống giao thông chưa hoàn chỉnh nên gặp rất nhiều khó khăn đến thu hút vốn. Bên cạnh đó, Hiệp định thương mại khối ASEAN (ATIGA) có hiệu lực đã cắt giảm thuế nhập khẩu mạnh, riêng đối với các mặt hàng nông sản giảm còn 0% đến 5% đã ảnh hưởng đáng kể đến tình hình sản xuất của các nhà máy chế biến nông sản trên địa bàn tỉnh, nhất là đối với lĩnh vực mía đường.

Để khắc phục những tồn tại, hạn chế và triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 22 tháng 3 năm 2018 của Bộ Chính trị về *định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045* (viết tắt là Nghị quyết 23-NQ/TW); Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

## **I- MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu tổng quát**

- Phát triển các ngành công nghiệp là nhiệm vụ trọng tâm của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Gia Lai đến năm 2030. Phát triển công nghiệp là yếu tố bảo đảm sự thành công của sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa của tỉnh. Đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng lao động của ngành công nghiệp và dịch vụ, giảm tỷ trọng và lao động trong nông nghiệp, bảo đảm mục tiêu xóa đói, giảm nghèo đối với lao động và dân cư nông thôn.

- Tiếp tục huy động các nguồn lực, khai thác tốt các tiềm năng, lợi thế để đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng ngành công nghiệp của tỉnh, nhất là đối với ngành công nghiệp chế biến nông sản chủ lực, ngành công nghiệp năng lượng tái tạo. Phát triển các ngành công nghiệp trên cơ sở ứng dụng có hiệu quả các tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của hàng hóa ở thị trường trong nước và nước ngoài. Tổ chức lại sản xuất nông nghiệp theo hướng hình thành vùng sản xuất hàng hóa nông sản chủ lực tập trung, theo chuỗi giá trị sản phẩm.

- Phát triển công nghiệp tỉnh Gia Lai phải đảm bảo phát triển ổn định, bền vững và bảo vệ môi trường.

## **2. Mục tiêu cụ thể**

### **2.1. Mục tiêu giai đoạn 2016 - 2020**

- Tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng trong tổng GRDP của tỉnh chiếm 28,9%.
- Tốc độ tăng trưởng bình quân ngành công nghiệp - xây dựng đạt 8,49%/năm (trong đó: Tốc độ tăng trưởng bình quân ngành công nghiệp đạt 8,14%/năm).

### **2.2. Mục tiêu giai đoạn 2021 - 2030**

- Tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng trong tổng GRDP của tỉnh chiếm trên 30% (trong đó: Tỷ trọng ngành công nghiệp chiếm trên 60% trong cơ cấu kinh tế ngành công nghiệp - xây dựng).
- Tốc độ tăng trưởng bình quân ngành công nghiệp - xây dựng đạt trên 8,5%/năm (trong đó: Tốc độ tăng trưởng bình quân ngành công nghiệp đạt từ 8% đến 8,5%/năm).
- Phân đầu đến năm 2030, tỷ lệ lao động trong lĩnh vực công nghiệp - dịch vụ đạt trên 50% (hiện nay tỷ lệ lao động trong lĩnh vực công nghiệp - dịch vụ là 30%).

## **II- NHỮNG GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

### **1. Phân bổ không gian và chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp**

- Rà soát, bổ sung, điều chỉnh các khu, cụm công nghiệp; chú trọng xác định các vùng nguyên liệu phù hợp cho từng loại cây trồng, vật nuôi, các vùng có tiềm năng điện mặt trời, điện gió để từ đó có chính sách hỗ trợ, ưu tiên đầu tư cho phù hợp.
- Đẩy mạnh chuyển dịch các ngành công nghiệp chủ yếu dựa vào tài nguyên và lao động, tác động xấu đến môi trường sang các ngành công nghiệp công nghệ cao, thân thiện với môi trường. Nghiên cứu có chính sách thúc đẩy ngành công nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và xu thế phát triển mới trong thời kỳ hội nhập quốc tế sâu rộng.

### **2. Phát triển các ngành công nghiệp ưu tiên**

- Từ nay đến năm 2030, tập trung ưu tiên phát triển mạnh một số nhóm ngành công nghiệp mà tỉnh có lợi thế, như: Chế biến nông, lâm sản, công nghiệp năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối, thủy điện), sản xuất vật liệu không nung, công nghiệp phục vụ nông nghiệp. Trong đó phát triển mạnh các sản phẩm chủ lực của tỉnh gắn với chế biến, như: Sắn, mía, cà phê, tiêu, cao su, điều, trái cây, cây dược liệu, gỗ, sản phẩm chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao; chế biến thức ăn gia súc; điện.

- Giai đoạn 2030 - 2045, định hướng ưu tiên phát triển các thể hệ mới của ngành công nghiệp, như: Công nghệ thông tin và viễn thông; phổ cập công nghệ kỹ thuật số, tự động hóa, thiết bị cao cấp, vật liệu mới, công nghệ sinh học.

### **3. Tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi cho phát triển công nghiệp**

- Tiếp tục chỉ đạo các huyện, thị xã, thành phố tăng cường công tác quản lý, đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, khuyến khích và kêu gọi đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp.

- Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn của Trung ương và của địa phương để đầu tư kết cấu hạ tầng; tạo điều kiện về đất đai, mặt bằng sản xuất; hỗ trợ công tác bảo hộ quyền sở hữu công nghệ và thương hiệu, xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường, hỗ trợ đào tạo lao động để tạo môi trường thuận lợi thu hút vốn đầu tư và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh.

- Đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính, thực hiện cơ chế một cửa, mở rộng số lượng và chất lượng thực hiện cơ chế một cửa liên thông. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện, đơn giản, minh bạch hóa thủ tục hành chính trong việc cấp phép đầu tư, kinh doanh của các doanh nghiệp. Tăng cường trách nhiệm của cơ quan chức năng trong việc hỗ trợ, giải quyết các yêu cầu của doanh nghiệp. Tăng cường tổ chức đối thoại giữa lãnh đạo chính quyền và các sở, ngành với doanh nghiệp để kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp.

- Nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách ưu đãi đối với các dự án cần khuyến khích đầu tư và thu hút đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp trên cơ sở vận dụng tối đa các cơ chế, chính sách ưu đãi cao nhất theo quy định pháp luật. Xây dựng và hoàn thiện chính sách, kế hoạch, thiết lập hệ thống cơ sở dữ liệu cho ngành công nghiệp, lựa chọn nhóm ngành cần ưu tiên phát triển phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương và cụ thể cho từng giai đoạn.

- Đề nghị các ngân hàng thương mại trên địa bàn tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn được tiếp cận và vay các nguồn tài chính, tín dụng ưu đãi (kể cả vốn vay từ nước ngoài).

### **4. Phát triển doanh nghiệp công nghiệp**

- Tiếp tục hỗ trợ cho các doanh nghiệp đầu tư lĩnh vực công nghiệp trên địa bàn tỉnh phát triển thị trường, giao lưu với các vùng kinh tế lân cận, tranh thủ thời cơ thuận lợi để mở rộng thị trường, quảng bá sản phẩm; tiếp tục nâng cao giá trị và đưa những sản phẩm chủ lực của tỉnh vào các thị trường lớn để xuất khẩu, như: Trái cây, mủ cao su, tinh bột mì, hạt điều... Có chính sách khuyến khích doanh nghiệp mở rộng quy mô đầu tư để làm đầu tàu và trở thành động lực quan trọng cho phát triển công nghiệp của tỉnh.

- Thu hút nhà đầu tư có chọn lọc, trong đó ưu tiên thu hút các nhà đầu tư có tiềm lực và có công nghệ tiên tiến, hiện đại, tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, thân thiện với môi trường. Chú trọng kêu gọi các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp có vốn nước ngoài đến khảo sát, đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp tinh ưu tiên phát triển, nhất là công nghiệp chế biến các sản phẩm nông, lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp chế tạo và tự động hóa phục vụ phát triển nông nghiệp tại tỉnh.

### **5. Giải pháp về nguồn nhân lực**

- Tăng cường tuyên truyền sâu rộng, bằng nhiều hình thức để người dân, đặc biệt là lao động nông thôn nắm được chủ trương đào tạo nghề.

- Tiếp tục nghiên cứu sắp xếp về tổ chức, đổi mới và nâng cao chất lượng các cơ sở đào tạo nghề của tỉnh. Tăng cường hợp tác với các cơ sở đào tạo nghề lớn trong nước để từng bước tạo nguồn nhân lực công nghiệp có khả năng tiếp cận công nghệ sản xuất mới, đồng thời, đẩy mạnh các chương trình liên kết với các doanh nghiệp để hỗ trợ việc làm cho người lao động sau đào tạo nghề.

- Thực hiện tốt các chính sách đảm bảo phúc lợi xã hội cho người lao động trong lĩnh vực công nghiệp, đặc biệt là các chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, các công trình nhà ở, an sinh xã hội, công trình phúc lợi công cộng... nhằm nâng cao đời sống cho công nhân trong các khu, cụm công nghiệp.

### **6. Khoa học và công nghệ cho phát triển công nghiệp**

- Quan tâm bố trí ngân sách hoặc huy động các nguồn tài trợ khác để ưu tiên phát triển và chuyển giao công nghệ đối với các ngành, lĩnh vực tỉnh có lợi thế, như: Chế biến nông, lâm nghiệp, năng lượng điện.

- Phát triển hạ tầng, ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông, nhất là hạ tầng kết nối số đảm bảo an toàn và đồng bộ. Tạo điều kiện cho doanh nghiệp, người dân dễ dàng, thuận lợi, bình đẳng trong tiếp cận các cơ hội phát triển nội dung công nghệ số.

- Khuyến khích các doanh nghiệp hình thành quỹ nghiên cứu, phát triển và ứng dụng khoa học - công nghệ trong các doanh nghiệp để đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng năng suất và tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu chất thải, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững.

- Đổi mới cơ chế quản lý tài chính đối với các tổ chức hoạt động khoa học - công nghệ công lập theo hướng tự chủ tài chính nhằm nâng cao hiệu quả, không gây thất thoát, lãng phí và phải đảm bảo tính thiết thực, đáp ứng yêu cầu áp dụng trong thực tế.

- Hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp khoa học - công nghệ trong công nghiệp. Có chính sách hỗ trợ để các tổ chức, các doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất kinh doanh.

### **7. Giải pháp bảo vệ môi trường và phát triển bền vững**

- Tập trung chỉ đạo và tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác quản lý về môi trường trên địa bàn tỉnh, kiên quyết không chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án gây ô nhiễm môi trường; đồng thời, có chính sách khuyến khích các dự án đầu tư sử dụng tiết kiệm năng lượng, tài nguyên và bảo vệ môi trường. Kiên quyết di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường cách xa các khu dân cư. Tăng cường triển khai chương trình sản xuất sạch tại các doanh nghiệp.

- Đối với các khu, cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, làng nghề tập trung, cần nghiên cứu ứng dụng các công nghệ xử lý nước thải tiên tiến, xây dựng giải pháp xử lý nước thải công nghiệp và nước thải sinh hoạt để hạn chế nhiễm bẩn nguồn nước mặt; đồng thời, phải xây dựng hệ thống xử lý môi trường đồng bộ với đầu tư hạ tầng khu, cụm công nghiệp.

## **IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1.** Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc xây dựng kế hoạch thực hiện Nghị quyết 23-NQ/TW và Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy phù hợp với đặc điểm, tình hình của địa phương; đồng thời, tổ chức phổ biến, quán triệt, triển khai đến cơ sở để thực hiện.

**2.** Giao Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo cụ thể hóa các giải pháp và xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện; có cơ chế chỉ đạo, điều hành hợp lý nhằm đảm bảo các hoạt động về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 của tỉnh được triển khai thuận lợi, đồng bộ, hiệu quả.

**3.** Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức việc học tập, quán triệt và tuyên truyền sâu rộng Nghị quyết 23-NQ/TW và Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy trong toàn Đảng bộ. Hướng dẫn các cấp ủy, tổ chức đảng đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng, tạo sự thống nhất về nhận thức, hành động trong Đảng, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và sự đồng thuận trong xã hội để thực hiện Nghị quyết.

**4.** Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát thực hiện Nghị quyết 23-NQ/TW và Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

5. Giao Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết 23-NQ/TW và Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; định kỳ sơ kết, tổng kết báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư (để báo cáo),
- Văn phòng Trung ương Đảng + Vụ địa phương III tại Đà Nẵng,
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn,
- Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các sở, ban, ngành tỉnh,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ  
PHÓ BÍ THƯ**

*đã ký*

**Hồ Văn Niên**